TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 54/2018/QĐST- DS	*Phú Riềng, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

- Trụ sở:Tòa nhà C, số 109 T, P. C, Q. H, TP.Hà Nội;
- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – CV: Tổng giám đốc;
- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trương Minh V1 – CV: Giám đốc chi nhánh Bình Phước.
- Người đại diện theo uỷ quyền lại: ông Lê Nguyễn Hoàng V2 – CV: Chuyên viên Phòng khách hàng. Nơi làm việc: Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước. Theo Giấy ủy quyền số 09 ngày 10/7/2018.

* Bị đơn: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về số nợ:

Bà Nguyễn Thị Thu T còn nợ của Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng số 1405-16/HĐTD-LienVietPostBank-Bình Phước ngày 24/10/2016 tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 98.119.956đ (Chín mươi tám triệu một trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

b) Thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ như sau:

* Trả số nợ quá hạn và trong hạn theo hợp đồng:

- Ngày 25/8/2018 trả số tiền 9.356.750 đồng;
- Ngày 25/9/2018 trả số tiền 9.316.750 đồng;
- Ngày 25/10/2018 trả số tiền 9.340.000 đồng;
- Ngày 26/11/2018 trả số tiền 9.260.750 đồng;

* Trả số nợ theo hợp đồng:

- Ngày 25/12/2018 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 599.031 đồng;
- Ngày 25/01/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 622.041 đồng;
- Ngày 25/02/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 603.738 đồng;
- Ngày 25/03/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 528.780 đồng;
- Ngày 25/4/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 567.132 đồng;
- Ngày 25/5/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 531.125 đồng;
- Ngày 25/6/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 530.526 đồng;
- Ngày 25/7/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 495.700 đồng;
- Ngày 26/8/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 509.853 đồng;
- Ngày 25/9/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 460.275 đồng;
- Ngày 25/10/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 442.563 đồng;
- Ngày 25/11/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 439.012 đồng;
- Ngày 25/12/2019 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 407.138 đồng;
- Ngày 30/01/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 467.310 đồng;
- Ngày 25/02/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 322.151 đồng;
- Ngày 25/03/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 342.200 đồng;
- Ngày 25/4/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 347.497 đồng;
- Ngày 25/5/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 318.575 đồng;
- Ngày 25/6/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 310.891 đồng;
- Ngày 25/7/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 283.150 đồng;
- Ngày 25/8/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 274.285 đồng;
- Ngày 25/9/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 255.983 đồng;

- Ngày 26/10/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 237.680 đồng;

- Ngày 25/11/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 212.300 đồng;

- Ngày 25/12/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 194.588 đồng;

- Ngày 25/01/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 182.771 đồng;

- Ngày 25/02/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 164.468 đồng;

- Ngày 25/03/2020 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 132.020 đồng;

- Ngày 26/4/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 131.987 đồng;

- Ngày 25/5/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 102.491 đồng;

- Ngày 25/6/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 91.256 đồng;

- Ngày 26/7/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 72.953 đồng;

- Ngày 25/8/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 52.888 đồng;

- Ngày 25/9/2021 trả số tiền gốc 1.417.000 đồng và lãi suất 36.348 đồng;

- Ngày 24/10/2021 trả số tiền gốc 1.397.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

c) Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật là 2.453.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.026.000đ (bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026568 ngày 27/7/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 53/2018/QĐST- DS	*Phú Riềng, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

- Trụ sở:Tòa nhà C, số 109 T, P. C, Q. H, TP.Hà Nội;
- Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – CV: Tổng giám đốc;
- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trương Minh V1 – CV: Giám đốc chi nhánh Bình Phước.
- Người đại diện theo uỷ quyền lại: ông Lê Nguyễn Hoàng V2 – CV: Chuyên viên Phòng khách hàng. Nơi làm việc: Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Bình Phước. Theo Giấy ủy quyền số 13 ngày 10/7/2018.

* Bị đơn: Đào Thị Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về số nợ:

Bà Đào Thị Thanh T còn nợ của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng số 1414-16/HĐTD-LienVietPostBank-Bình Phước ngày 24/10/2016 tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 88.921.508đ (Tám mươi tám triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm linh tám đồng).

b) Thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ như sau:

* Trả số nợ quá hạn và trong hạn theo hợp đồng:

- Ngày 25/8/2018 trả số tiền 10.552.500 đồng;
- Ngày 25/9/2018 trả số tiền 10.509.500 đồng;
- Ngày 25/10/2018 trả số tiền 10.519.500 đồng;
- Ngày 26/11/2018 trả số tiền 10.445.500 đồng;

* Trả số nợ theo hợp đồng:

- Ngày 25/12/2018 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 492.396 đồng;
- Ngày 25/01/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 503.492 đồng;
- Ngày 25/02/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 480.629 đồng;
- Ngày 25/03/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 413.467 đồng;
- Ngày 25/4/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 434.904 đồng;
- Ngày 25/5/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 398.750 đồng;
- Ngày 25/6/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 389.179 đồng;
- Ngày 25/7/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 354.500 đồng;
- Ngày 26/8/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 354.533 đồng;
- Ngày 25/9/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 310.250 đồng;
- Ngày 25/10/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 288.125 đồng;
- Ngày 25/11/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 274.867 đồng;
- Ngày 25/12/2019 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 243.875 đồng;
- Ngày 30/01/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 266.100 đồng;
- Ngày 25/02/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 173.008 đồng;
- Ngày 25/03/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 171.583 đồng;
- Ngày 25/4/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 160.554 đồng;
- Ngày 25/5/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 133.250 đồng;
- Ngày 25/6/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 114.829 đồng;
- Ngày 25/7/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 89.000 đồng;
- Ngày 25/8/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 69.104 đồng;
- Ngày 25/9/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 46.242 đồng;
- Ngày 24/10/2020 trả số tiền gốc 1.770.000 đồng và lãi suất 21.871 đồng;

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

c) Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà Đào Thị Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật là 2.223.000đ (Hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Phước số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.928.000đ (bằng chữ: Một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026566 ngày 27/7/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán